TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 - CẦN THƠ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 294/2026/HNGĐ–ST
Ngày: 30 - 6 - 2026
V/v "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiệt**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Đặng Công Văn**
2. Bà **Đoàn Sơn Lâm**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà **Đoàn Thị Tùng Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 336/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2026, về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1186/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Ánh T -** sinh năm 1987. Vắng mặt
Cư trú: Ấp T, xã C, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông **Lữ Minh H** - sinh năm 1987. Vắng mặt
Cư trú: Ấp T, xã C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Ánh T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ánh T và ông Lữ Minh H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng lý kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C (cũ), thành phố Cần Thơ.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mẫu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xảy ra cự cải, ông H có quen người phụ nữ khác. Từ đó vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân bà T có cho cơ hội nhưng không thể hàn gắn. Nay bà T nhận thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng, nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị Ánh T và ông Lữ Minh H có 02 người con chung là: Lữ Minh H1 – sinh ngày 12/3/2007; và Lữ Thị Kiều O – sinh ngày 28/11/2012. Hiện cháu H1 đã thành niên có cuộc sống độc lập nên không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi con, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu O và không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lữ Minh H không đến tham gia tố tụng và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến gì liên quan đến nội dung khởi kiện.

- Tại phiên toà, bà T có đơn xin giải quyết vắng mặt; ông H tiếp tục vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành của những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các vấn đề khác đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Ánh T và ông Lữ Minh H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà T khởi kiện xin ly hôn. Đây là quan hệ pháp luật về *"Tranh chấp ly hôn"*. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 1 của Luật Số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền. Bị đơn vắng mặt không tham gia tố tụng, do đó vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, nguyên đơn đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về vấn đề hôn nhân: Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Ánh T và ông Lữ Minh H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có sự thông cảm chia sẻ lẫn nhau nên đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay bà T cho rằng không còn

tình cảm vợ chồng với ông H nên cương quyết xin ly hôn, còn ông H dù đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia tố tụng, bỏ mặc sự việc hôn nhân. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân. Vì vậy, nên chấp nhận cho ly hôn là phù hợp.

[3.2] Về vấn đề nuôi con, cấp dưỡng: Bà Huỳnh Thị Ánh T và ông Lữ Minh H có 02 người con chung là: Lữ Minh H1 – sinh ngày 12/3/2007; và Lữ Thị Kiều O – sinh ngày 28/11/2012. Hiện cháu H1 đã thành niên có cuộc sống độc lập nên không đề cập giải quyết vấn đề nuôi con. Riêng cháu O có nguyện được chung sống với mẹ nên giao cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nhằm đảm bảo cho người con có điều kiện được sống tốt. Tuy nhiên do bà T và các con không có yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau này, nếu có yêu cầu về cấp dưỡng thì sẽ được giải quyết trong vụ kiện khác.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì sẽ giải quyết trong vụ kiện khác.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Ánh T phải chịu án phí là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở như đã phân tích.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; 28; 35; 39; 147; 207; 227; 228; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết Số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, qản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Ánh T và ông Lữ Minh H.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị Ánh T và ông Lữ Minh H có 02 người con chung là: Lữ Minh H1 – sinh ngày 12/3/2007; và Lữ Thị Kiều O – sinh ngày 28/11/2012. Hiện cháu Lữ Minh H1 đã thành niên có cuộc sống độc lập nên không giải quyết vấn đề nuôi con. Giao cháu Lữ Thị Kiều O cho bà Huỳnh Thị Ánh T nuôi dưỡng, ông Lữ Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Lữ Minh H không ai được cản trở. Ông H, bà T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con vì lợi ích của con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Ánh T phải chịu án phí là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004907 ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố C. Công nhận bà T đã nộp xong án phí.

5. Về kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điêu 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP.Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Kiệt